TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Q** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/DS-ST
Ngày: 30-9-2020
V/v: "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Đình Dũng

- Bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hạ Quyên, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 và 30 tháng 9 năm 2020, Tòa án nhân dân thành phố Q tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 255/2020/TLST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2020 về việc "*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2020/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần BĐLV; địa chỉ trụ sở: Tòa nhà C, đường THĐ, phường C, quận H, Tp N.

Đại diện cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần BĐLV:

+ Ông Phạm Doãn S. Chức vụ: Tổng giám đốc, là người đại diện theo pháp luật;

+ Ông Lê Thanh N. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần BĐLV – Chi nhánh D, là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền số 6650/2017/QĐ-TGĐ, ngày 20/6/2017 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP BĐLV.

+ Ông Dương Ngọc Đ. Chức vụ: Trưởng phòng Ngân hàng TMCP BĐLV – Chi nhánh D, là người đại diện theo ủy quyền lại, văn bản ủy quyền số: 224/2020/QĐ-LPB DQ, ngày 28/09/2020 của Giám đốc Ngân hàng TMCP BĐLV – Chi nhánh D.

Địa chỉ liên hệ: Số 01 đường ADV, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ dân phố Trường Thọ Đông A, phường Trương Quang Trọng, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Dương Ngọc Đạt có mặt; bị đơn Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/4/2020, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 05/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP BĐLV trình bày:

Ngày 28/4/2017, Ngân hàng Thương mại Cổ phần BĐLV - Chi nhánh Dung Quất (sau đây gọi tắc là Ngân hàng) và bà Nguyễn Thị N có ký với nhau Hợp đồng tín dụng số: HĐTD400201732 (sau đây gọi tắc là Hợp đồng). Theo nội dung Hợp đồng đã được ký kết thì Ngân hàng cho bà Nguyễn Thị N vay số tiền 100.000.000đồng; thời hạn vay là 60 tháng (từ ngày 29/4/2017 đến ngày 29/4/2022); lãi suất trong hạn là 12,5%/năm; lãi suất quá hạn: 150% so với lãi suất trong hạn; phương thức trả nợ là trả nợ gốc cố định, lãi theo dư nợ thực tế, số tiền phải trả từ tháng 01 đến tháng thứ 59 là 1.670.000đồng/tháng, số tiền phải trả tháng thứ 60 là 1.470.000đồng/tháng; biện pháp bảo đảm tiền vay: Vay không có tài sản bảo đảm.

Sau khi hợp đồng được ký kết, bà Nguyễn Thị N đã nhận đủ tiền vay theo hợp đồng tín dụng nêu trên. Tuy nhiên, trong quá trình trả nợ vay, bà N không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận đã ký kết trong Hợp đồng. Từ khi vay tiền đến nay, bà N đã trả cho Ngân hàng được tổng số tiền là 53.517.161 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 35.070.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 18.447.161 đồng. Bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 4 Hợp đồng nên toàn bộ khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 20/02/2019. Tính đến ngày 30/9/2020, bà N còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 81.344.936 đồng *(tám mươi mốt triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng)*, trong đó: nợ gốc trong hạn 31.530.000 đồng, gốc quá hạn 33.400.000 đồng; nợ lãi trong hạn 10.275.785 đồng; nợ lãi quá hạn 5.211.792 đồng và lãi chậm trả lãi 927.359 đồng (tính đến ngày 30/9/2020). Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho Ngân hàng số nợ trên, đồng thời yêu cầu bà N phải trả tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng kể từ ngày 01/10/2020 cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Nguyễn Thị N nhưng bà N không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ; không đến Tòa án làm việc và tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành

đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị N phải trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 28/9/2020 là 81.282.596 đồng *(tám mươi mốt triệu hai trăm tám mươi hai nghìn năm trăm chín mươi sáu đồng)*, trong đó: nợ gốc 64.930.000 đồng (nợ gốc trong hạn 31.530.000 đồng, gốc quá hạn 33.400.000 đồng); nợ lãi 15.523.066 đồng (nợ lãi trong hạn 10.253.889 đồng; lãi suất nợ gốc quá hạn 5.177.000 đồng và lãi suất nợ lãi chậm trả 921.707 đồng).

Bà Nguyễn Thị N còn phải tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng cho đến khi tất toán khoản vay.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần BĐLV khởi kiện "*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*" với bị đơn Nguyễn Thị N. Trong vụ án này, bị đơn Nguyễn Thị N là người không có đăng ký kinh doanh, vay tiền nhằm mục đích tiêu dùng và tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thì bà N có địa chỉ cư trú tại: Tổ dân phố Trường Thọ Đ, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án dân sự "*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng"*, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị N đã thay đổi nơi cư trú, không còn cư trú tại tổ dân phố Trường Thọ Đ, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, nhưng lại không thông báo cho Ngân hàng biết là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn bà Nguyễn Thị N tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bà N vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tiến hành xét xử vắng mặt bà N theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về yêu cầu trả nợ của nguyên đơn:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, có đủ căn cứ xác định: Hợp

đồng tín dụng số: HĐTD400201732, ngày 28/4/2017, giữa Ngân hàng ký kết với bà Nguyễn Thị N là hợp pháp nên có giá trị làm căn cứ phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên trong hợp đồng. Sau khi hợp đồng được ký kết, bà N đã nhận đủ số tiền vay là 100.000.000 đồng nhưng sau đó lại vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã được ký kết. Cụ thể: Từ khi vay tiền đến nay, bà N chỉ mới trả cho Ngân hàng tổng số tiền là: 53.517.161 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 35.070.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 18.447.161 đồng. Thời điểm trả nợ cuối cùng là ngày 31/01/2019, từ đó đến nay bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Như vậy, bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 4 mục 4.1 và 4.2 của Hợp đồng và mục 14, 15 Giấy đề ghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ, ngày 28/4/2017. Theo quy định tại điểm b mục 7.1 Điều 7 của Hợp đồng thì: Khoản vay sẽ bị bên cho vay đơn phương chấm dứt sớm và thu hồi nợ quá hạn trong trường hợp: Bên vay vi phạm cam kết trong Hợp đồng tín dụng và các văn bản cam kết khác của bên vay đối với bên cho vay. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà N phải trả nợ gốc và lãi, lãi chậm trả là phù hợp theo Hợp đồng đã được ký kết; các quy định tại khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dung và các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

[2.2] Về nợ gốc và lãi phải trả:

[2.2.1] Về nợ gốc: Sau khi hợp đồng được ký kết thì bà Nguyễn Thị N đã thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi từ tháng 5 năm 2017 đến tháng 01 năm 2019 (21 tháng), theo đó số tiền gốc đã trả là: 1.670.000 đồng/tháng x 21 tháng = 35.070.000 đồng. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu bà N phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc: 100.000.000 đồng nợ gốc vay - 35.070.000 đồng nợ gốc đã trả = 64.930.000 đồng, là phù hợp với số tiền gốc đã vay, tiền gốc đã trả và Điều 466 của Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

[2.2.2] Về nợ lãi: Hội đồng xét xử xét thấy từ tháng 02 năm 2019 đến nay bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Do đó, ngoài việc phải trả tiền lãi trong hạn thì bà N còn phải trả tiền lãi quá hạn và lãi suất nợ lãi chậm trả theo quy định tại mục 2.4 Điều 2 Hợp đồng đã được ký kết. Mức lãi suất quá hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả thực hiện theo mức thỏa thuận tại mục 4.5 Điều 4 của Hợp đồng và các mục 09, 10, 11 Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 28/4/2017 (lãi suất trong hạn 12,5%/năm; lãi suất quá hạn 150% so với lãi suất trong hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả 10%/năm). Cụ thể số tiền lãi mà bà N phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày 30/9/2020 là: lãi trong hạn 10.275.785 đồng, lãi quá hạn 5.211.792 đồng và lãi suất nợ lãi chậm trả 927.359 đồng. Về yêu cầu trả lãi của Ngân hàng là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử và quy định tại các Điều 466, 468, 357 của Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Tổng số tiền lãi mà bà N phải trả cho Ngân hàng là 16.414.936 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là: (64.930.000 đồng + 16.414.936 đồng) x 5% = 4.067.247 đồng.

Ngân hàng TMCP BĐLV không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP BĐLV số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Qtại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 144, 147, 186, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 470, 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần BĐLV. Buộc bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ trả cho Ngân Ngân hàng Thương mại cổ phần BĐLV tổng số tiền là: 81.344.936 đồng (*tám mươi mốt triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng*), trong đó: nợ gốc là 64.930.000 đồng, lãi trong hạn là 10.275.785 đồng, lãi quá hạn là 5.211.792 đồng và lãi suất nợ lãi chậm trả là 927.359 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30 tháng 9 năm 2020) cho đến khi thi hành án xong các khoản nợ, bà Nguyễn Thị N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: HĐTD 400201732, ngày 28/4/2017.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị N phải chịu 4.067.247 đồng (*bốn triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần BĐLV không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần BĐLV số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.948.063 đồng (một triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn không trăm sáu mươi ba đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0004537 ngày 17/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Hòa